

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 909/2024/DS-ST
Ngày: 18 - 9 - 2024
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lý

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2024/TLST- DS ngày 27/02/2024 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 463/2024/QĐXXST-DS ngày 02/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 456/2024/QĐST- DS ngày 28/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Q (VAMC); địa chỉ: Số 300 P, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh P, sinh năm 1989 và ông Ngô Trí L, sinh năm 1999 (văn bản ủy quyền số 189-9/UQ-TGĐ.24 ngày 20/3/2024). (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1969

Và bà Quảng Thị M, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Số 32/7 đường P, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Minh P trình bày:

Giữa Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với ông Nguyễn Thanh B và bà Quảng Thị M có ký các Hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cho vay từng lần số 2516/22/TD/XXXV ngày 30/3/2022, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay từng lần số SDBS.01 - 2516/22/TD/XXXV ngày 08/4/2022 với nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay 5.000.000.000 đồng, mục đích vay tài trợ tiền mua bất động sản là thửa đất số 129, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 123, tờ bản đồ số 52, địa chỉ Bon B'Nor, xã Đắc Som, huyện Đắc GLong, tỉnh Đắc Nông; thời hạn vay 324 tháng kể từ ngày giải ngân 31/3/2022, lãi suất 8,5%/ năm cố định 24 tháng đầu tiên, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả nợ ân hạn gốc 12 tháng đầu tiên, tháng thứ 13 trở đi trả nợ gốc định kỳ vào ngày 31 hàng tháng, ngày trả gốc đầu tiên 30/4/2023, trả lãi định kỳ vào ngày 31 hàng tháng, ngày trả nợ lãi đầu tiên 30/4/2022.

Hợp đồng cho vay từng lần số 3101/22/TD/XXXV ngày 14/4/2022 với nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay 1.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn 12 tháng kể từ giải ngân 15/4/2022, lãi suất 7.39%/năm cố định 12 tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả nợ gốc cuối kỳ, trả lãi định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, ngày trả nợ lãi đầu tiên 15/5/2022.

Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số 3320/22/TD/XXXV ngày 21/4/2022 với nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay 850.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày 21/4/2022 đến ngày 21/4/2023, lãi suất vay 12,2%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ ông B và bà M đã ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp bất động sản số công chứng 3319, quyền số 02/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/4/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Tuấn, địa chỉ số 139 đường 23/3, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắc Nông và đăng ký thế chấp cùng ngày tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đắc GLong. Tài sản thế chấp bao gồm:

Quyền sử dụng đất có diện tích 1179,0 m² thuộc Thửa đất số 123, tờ bản đồ số 52, địa chỉ thửa đất: Thôn Bon B'BNor, xã Đắc Som, huyện Đắc GLong, tỉnh Đắc Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 177545, số vào sổ cấp GCN CS 06062 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắc Nông cấp ngày 21/5/2021, cập nhật chuyển mục đích sử dụng đất ngày 08/7/2021 và cập nhật thay đổi chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh B ngày 07/4/2022.

Quyền sử dụng đất có diện tích 1004,7 m² thuộc Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 52, địa chỉ thửa đất: Thôn Bon B'BNor, xã Đắc Som, huyện Đắc GLong, tỉnh Đắc Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 174387, số vào sổ cấp GCN CS 06147 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắc Nông cấp ngày 01/7/2021, cập nhật chuyển mục đích sử dụng đất ngày 04/10/2021 và cập nhật thay đổi chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh B ngày 07/4/2022.

Theo các hợp đồng đã ký trên Ngân hàng đã giải ngân cho ông B, bà M tổng số tiền 6.850.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 2516/22/TD/XXXV ngày 31/3/2022 và số 3101/22/TD/XXXV ngày 15/4/2022.

Ngày 28/11/2023 Ngân hàng đã bán nợ các khoản nợ trên cho Công ty

TNHH MTV Q (sau đây viết tắt là VAMC) theo Hợp đồng mua bán nợ số 984/2023/MBN.VAMC-ABBANK. Do quá trình thực hiện hợp đồng ông Bình, bà Minh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện việc trả nợ gốc, lãi đúng như cam kết, chỉ thanh toán được tổng số tiền 601.647.816 đồng, trong đó gồm nợ gốc 2 đồng và nợ lãi 601.647.814 đồng nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn, tạm tính đến hết ngày 18/9/2024 ông B, bà M còn nợ tổng số tiền 7.882.392.148 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc 6.849.999.998 đồng, nợ lãi 1.032.392.150 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bị đơn là ông Nguyễn Thanh B và bà Quảng Thị M phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi nêu trên cho nguyên đơn ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 19/9/2024 theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại các Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ. Nếu giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thu hồi nợ thì bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn cho đến khi trả xong nợ.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo; đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng. Bị đơn ông Nguyễn Thanh B và bà Quảng Thị M cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử

vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1 Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để khẳng định các Hợp đồng cho vay từng lần số 2516/22/TD/XXXV ngày 30/3/2022, số 3101/22/TD/XXXV ngày 14/4/2022, Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số 3320/22/TD/XXXV ngày 21/4/2022 do bị đơn ông Nguyễn Thanh B, bà Quảng Thị M ký với Ngân hàng. Tính đến hết ngày 18/9/2024 bị đơn còn nợ số tiền gốc là 6.849.999.998 đồng, mặc dù nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không thanh toán nên yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn là có cơ sở.

2.2 Về yêu cầu tính lãi: Theo quy định tại Điều 5 của các Hợp đồng tín dụng số 2516/22/TD/XXXV ngày 30/3/2022, số 3101/22/TD/XXXV ngày 14/4/2022; Điều 3 của Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số 3320/22/TD/XXXV ngày 21/4/2022 và thỏa thuận tại các Giấy nhận nợ đã ký, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi như thỏa thuận nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển dư nợ gốc trong hạn còn thiếu sang nợ quá hạn, tính lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại Điều 7 của các Hợp đồng tín dụng số 2516/22/TD/XXXV ngày 30/3/2022, số 3101/22/TD/XXXV ngày 14/4/2022 và Điều 5 Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số 3320/22/TD/XXXV ngày 21/4/2022. Tiền lãi được tính đến ngày 18/9/2024 là 1.032.392.150 đồng theo Bảng kê tính lãi của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về phía bị đơn mặc dù đã được Tòa tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vụ án.

Xét thấy, các Hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên có hình thức, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên các hợp đồng nêu trên có hiệu lực. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ các điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ nợ gốc, lãi tính đến ngày 18/9/2024 là 7.882.392.148 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.3 Đối với yêu cầu phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 19/9/2024 cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

2.4 Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Xét, Hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện xác lập, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các điều 117, 118, 119, 295, 298, 317, 319 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 179, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 nên là giao dịch dân sự có hiệu lực. Nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận trong hợp đồng và theo quy định tại các điều 299, 303, 307 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bị đơn thanh toán xong hết nợ, nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn các bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số công chứng 3319, quyển số 02/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/4/2022; trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ. Khi phát mãi tài sản buộc bị đơn phải giao tài sản bảo đảm để Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thực hiện việc thi hành bản án. Nếu tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ cho nguyên đơn thì bị đơn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

[3] Án phí và chi phí tố tụng:

3.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 115.882.392 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3.2 Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 02 thửa đất tại huyện Đắc GLong, tỉnh Đắc Nông là 40.000.000 đồng và có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền trên theo quy định tại các điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ các điều 280, 299, 303, 307, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật án phí, lệ phí năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bị đơn là ông Nguyễn Thanh B và bà Quảng Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH MTV Q tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 18/9/2024 theo các Hợp đồng cho vay từng lần số 2516/22/TD/XXXV ngày 30/3/2022, số 3101/22/TD/XXXV ngày 14/4/2022, Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số 3320/22/TD/XXXV ngày 21/4/2022 và các Giấy nhận nợ số 2516/22/TD/XXXV ngày 31/3/2022, số 3101/22/TD/XXXV ngày 15/4/2022 (phát sinh từ hợp đồng mua bán nợ số 984/2023/MBN.VAMC-ABBANK) là 7.882.392.148 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc 6.849.999.998 đồng và nợ lãi 1.032.392.150 đồng.

Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Sau khi bị đơn thanh toán xong nợ, nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 177545, sổ vào sổ cấp GCN CS 06062 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp cho bà Trần Thùy T ngày 21/5/2021 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 174387, sổ vào sổ cấp GCN CS 06147 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp cho bà Trần Thùy T ngày 01/7/202, đều cập nhập chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh B ngày 07/4/2022 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số công chứng 3319, quyền số 02/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/4/2022.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất có diện tích 1179,0 m² thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 52, Thôn Bon B'BNor, xã Đắk Som, huyện Đắk GLong, tỉnh Đắk Nông và quyền sử dụng đất có diện tích 1004,7 m² thuộc thửa đất số 129, tờ bản đồ số 52, Thôn Bon B'BNor, xã Đắk Som, huyện Đắk GLong, tỉnh Đắk Nông theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên để thu hồi nợ. Khi phát mãi tài sản buộc bị đơn phải giao tài sản bảo đảm để Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thực hiện việc thi hành bản án. Nếu tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ cho Ngân hàng thì bị đơn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

2. Án phí và chi phí tố tụng:

2.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Thanh B và bà Quảng Thị M phải chịu án phí là 115.882.392 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 57.602.466 đồng cho nguyên đơn theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012585 ngày 27/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

2.2 Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thanh B và bà Quảng Thị M phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 02 thửa đất tại huyện Đăk GLong, tỉnh Đăk Nông là 40.000.000 đồng và có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền trên theo quy định tại các điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm các bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên